

Số: 208/2020/QĐST-HNGĐ

RG, ngày 8 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm: 1983.

Hộ khẩu thường trú: tổ 5, ấp TT, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Bé Diễm**, sinh năm: 1986.

Hộ khẩu thường trú: tổ 5, kp 3, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị Bé D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị Bé D xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: con chung tên **Ngô Hiếu T, sinh ngày 20/4/2013** anh T, chị D thống nhất giao cho anh Ngô Văn T nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngô Hiếu T được sống với cha), anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. **Con tên Ngô Thành Đ, sinh ngày 25/5/2016; Ngô Thị Diễm P, sinh ngày 16/5/2017**, anh T, chị D thống nhất giao 02 con Đ, P cho chị D nuôi dưỡng, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01 tháng 7 năm 2020 (dương lịch) và các lần tiếp theo vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi các con Đ và P đủ 18 tuổi.

Anh T, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T, chị D thực hiện quyền này.

Các bên đương sự tiến hành giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hoặc trực tiếp giao nhận.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thực hiện việc cấp dưỡng như cam kết trên thì hàng tháng anh T còn phải trả cho chị D một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Anh T và chị D xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị D xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên án phí phải chịu là 150.000 đồng, anh T, chị D mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh T tự nguyện nộp thay cho chị D 75.000 đồng nên án phí ly hôn anh T phải chịu là 150.000 đồng. Anh T tự nguyện nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Anh T đã tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001870 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án thành phố RG nên anh T được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố RG;
- Ủy ban nhân dân phường RS;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

LÊ VĂN TÂM